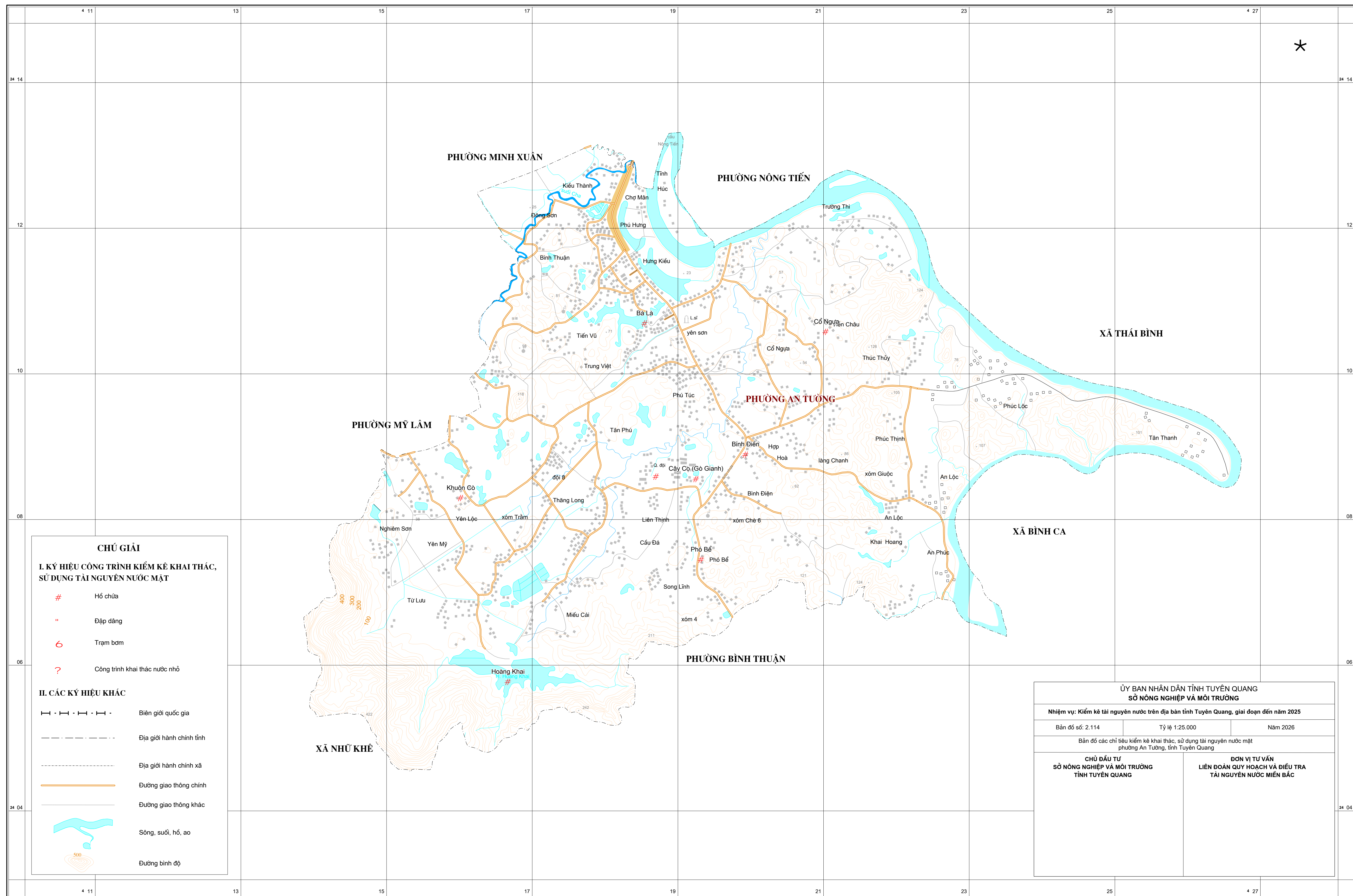
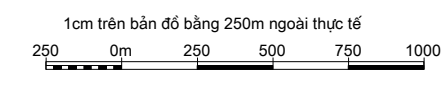


# BẢN ĐỒ CÁC CHỈ TIÊU KIỂM KÊ KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC MẶT PHƯỜNG AN TƯỜNG - TỈNH TUYÊN QUANG



**TỶ LỆ 1:25.000**



CÔNG TRÌNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT ĐƯỢC KIỂM KÊ										
STT	Tên chủ hộ/công trình	Xã/Ph	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích (triệu m <sup>3</sup> )	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m <sup>3</sup> /ngày)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích KDDV và SX phi nông nghiệp (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m <sup>3</sup> /ngày đêm)
1	Bà Là	An Tường	Hố	Suối Cha	Nông nghiệp	0.18	0.017	-	-	-
2	Dốc Thiều	An Tường	Hố	Phụ lưu 34	Nông nghiệp	0.2	0.019	-	-	-
3	Khe Mai	An Tường	Hố	Khe suối nhỏ	Nông nghiệp	0.07	0.005	-	-	-
4	Thanh Niên	An Tường	Hố	Khe suối nhỏ	Nông nghiệp	0.07	0.004	-	-	-
5	Phai Thờ	An Tường	Hố	Khe suối nhỏ	Nông nghiệp	0.23	0.013	-	-	-
6	Rộc Rữa	An Tường	Hố	Khe suối nhỏ	Nông nghiệp	0.03	0.005	-	-	-
7	Bình Điện	An Tường	Hố	Phụ lưu số 34	Nông nghiệp	0.13	0.036	-	-	-
8	Cây Cọ (Cỏ Giành)	An Tường	Hố	Phụ lưu số 34	Nông nghiệp	0.1	0.082	-	-	-
9	Phố Bể	An Tường	Hố	Phụ lưu số 34	Nông nghiệp	0.05	0.021	-	-	-
10	Phúc An	An Tường	Hố	Phụ lưu số 34	Nông nghiệp	0.1	0.054	-	-	-
11	Cổ Ngựa	An Tường	Hố	Phụ lưu 1	Nông nghiệp	0.06	0.003	-	-	-
12	Hoàng Khai	An Tường	Hố	Phụ lưu số 34	Nông nghiệp	2.42	0.421	-	-	-
13	Khuôn Cò	An Tường	Hố	Phụ lưu số 34	Nông nghiệp	0.08	0.012	-	-	-